TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2026/LĐ-ST
Ngày: 16-01-2026
"Về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phạm Hùng

Ông Nguyễn Văn Cơ

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 *tham gia phiên tòa*: Bà Lương Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 10/2025/TLST-LĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về "*Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-LĐ ngày 12/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-LĐ ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố Đà Nẵng. có mặt

- Bị đơn: **Công ty TNHH Đ**; trụ sở: Lô A, Khu C,phường L, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Nozaki M, chức vụ: Giám đốc. vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Bùi Thị Bích N**;địa chỉ: Tổ A - X, phường H, Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ **Bảo hiểm xã hội cơ sở T, thành phố Đà Nẵng; Trụ sở: 2 N, phường T, thành phố Đà Nẵng**. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H làm việc cho Công ty TNHH M1 từ tháng 07/2007 đến tháng 02/2011 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đến nay: Số bảo hiểm: 0407013388

Năm 2009, bà H có cho chị chồng của bà Bùi Thị Kim N1, sinh năm: 1986 mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị H (Chứng minh nhân dân số 201584613 do Công an thành phố Đ cấp) để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ và tham gia đóng bảo hiểm xã hội, sổ bảo hiểm xã hội số 4812002472 mang tên Nguyễn Thị H. Lý do bà N1 mượn chứng minh nhân dân của bà H do bà N1 không có giấy tờ tùy thân nên không thể trực tiếp ký kết hợp đồng lao động. Bà N1 làm việc tại Công ty TNHH Đ từ tháng 7/2009 đến tháng 2/2011 thì nghỉ việc. Nay bà H gặp khó khăn trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (do bà Bùi Thị Kim N1 mượn hồ sơ của bà H giao kết hợp đồng lao động) với Công ty TNHH Đ từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 02 năm 2011 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

** Bị đơn là Công ty TNHH Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Kim N1 không có ý kiến trình bày tại hồ sơ*

** Tại Công văn số 428/BHXH-QLT ngày 09/12/2025, Bảo hiểm xã hội cơ sở T - thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986, chứng minh nhân dân 201584613 có 2 mã số sổ Bảo hiểm xã hội; Mã số Bảo hiểm xã hội 0407013388 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH M1 (Đà Nẵng) từ tháng 07/2007 đến tháng 02/2011;thời gian này đã được hưởng chế độ BHXH một lần do Bảo hiểm xã hội quận L cũ giải quyết.

Mã số BHXH 4812002472 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội: Từ tháng 7/2009 đến tháng 2/2011 tại Công ty TNHH Đ; từ tháng 03/2012 đến tháng 12/2016 tại Công ty TNHH MTV C; từ tháng 01/2017 đến tháng 07/2018 tại Công ty TNHH MTV T1. Thời gian này, đã được hưởng chế độ BHXH một lần do BHXH quận L (cũ) giải quyết.

**** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4:***

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T, thành phố Đà Nẵng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là Công ty TNHH Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị

Kim N1 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H: căn cứ Điều 127 Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 16, Điều 30 Bộ luật lao động 1994; Điều 51, Khoản 2, khoản 7 Điều 188, Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019 tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH Đ từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 02 năm 2011 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người trực tiếp tham gia lao động bà Bùi Thị Kim N1 trong khi thông tin ký hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị H; bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH Đ, bà Bùi Thị Kim N1 đã được Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội cơ sở T, Đà Nẵng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân trước khi khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến Sở Nội vụ thành phố Đ để yêu cầu hòa giải. Tại Công văn số 4263/SNV-LĐVL ngày 04/11/2025 của Sở N cho rằng đối với việc người lao động mượn hồ sơ của người khác là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về luật áp dụng: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ tháng 7/2009 đến tháng 02/2011 nên áp dụng Bộ luật lao động 1994 được áp dụng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (do bà Bùi Thị Kim N1 mượn hồ sơ của bà H để giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH Đ từ tháng 02/2009 đến tháng 02/2011 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà N1 lấy giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 127 Bộ

luật dân sự, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động quy định tại điều 15, điều 16 Bộ luật lao động, mặc dù bà H, bà N1 không cung cấp được hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ và bà Bùi Thị Kim N1; bị đơn là Công ty TNHH Đ không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, tại Công văn số 428/BHXH-QLT ngày 09/12/2025, Bảo hiểm xã hội cơ sở T xác định bà Nguyễn Thị H có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ từ tháng 7/2009 đến tháng 02/2011, số sổ BHXH 4812002472 đồng thời bà Nguyễn Thị H có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M1 từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 02 năm 2011 với số sổ bảo hiểm xã hội là 0407013388. Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 02 năm 2011 bà H cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH Đ và Công ty TNHH M1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H, bà Bùi Thị Bích N trình bày từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 02 năm 2011 bà N làm việc tại Công ty TNHH Đ và bà N mượn Chứng minh nhân dân của bà H để giao kết hợp đồng và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ. Bị đơn Công ty TNHH Đ không có ý kiến cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định bà H không ký kết hợp đồng lao động và tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ từ tháng 7/2009 đến tháng 2/2011. Như vậy, việc bà N ký hợp đồng và tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ nhưng với tên bà Nguyễn Thị H là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động nêu trên là không có hiệu lực. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH Đ từ tháng 7/2009 đến tháng 2/2011 là vô hiệu do không đúng người tham gia lao động ký kết hợp đồng lao động là có cơ sở cần chấp nhận.

[2.3] Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH Đ phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 127, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15, điều 16 khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc *"Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*"

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH Đ từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 02 năm 2011 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động (người trực tiếp tham gia lao động và ký kết hợp đồng bà Bùi Thị Kim N1 trong khi thông tin hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị H).

2. Án phí lao động sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Công ty TNHH Đ phải chịu nhưng bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0005558 ngày 17/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh